

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101b/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 08 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)

Tên chương trình: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
Tên tiếng Anh: **BUSINESS ADMINISTRATION**  
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**  
Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
Mã ngành đào tạo: **7340101**  
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

### 1. Mục tiêu

#### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị kinh doanh; thiết kế và điều hành hệ thống hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1 Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, về pháp luật kinh tế, về quản trị kinh doanh, về tổ chức và thực hành hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu, góp phần đổi mới, hoàn thiện các chính sách, chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán; có trình độ ngoại ngữ, tin học đủ để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn và đáp ứng chuẩn đầu ra của trường ĐH Nguyễn Trãi.

##### 1.2.2 Về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp thực hiện được các kỹ năng như: các kỹ năng về các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp; kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch; kỹ năng thuyết trình và đàm phán; kỹ năng làm việc nhóm... và chứng chỉ kỹ năng mềm do trường ĐH Nguyễn Trãi cấp.

##### 1.2.3 Về thái độ

Sinh viên được rèn luyện toàn diện về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, phong cách làm việc theo đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

##### 1.2.4 Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có năng lực quản lý, điều hành các lĩnh vực công việc sau:

- Chuyên viên phụ trách các công việc hành chính nhân sự; kinh doanh; marketing tại các công ty dịch vụ, sản xuất
- Chuyên viên xây dựng chiến lược, phát triển thị trường và tìm kiếm đối tác tại các công ty xuất nhập khẩu hay công ty đa quốc gia.
- Giảng viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại các trường Đại Học.
- Doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ
- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao về Quản trị kinh doanh ở trong và ngoài nước.
- Đủ năng lực đăng ký học bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành Quản trị kinh doanh hoặc các chuyên ngành

#### *1.2.5 Trình độ ngoại ngữ*

Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt 01 ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp và có khả năng giao tiếp cơ bản 01 ngoại ngữ. Có 03 ngôn ngữ để sinh viên lựa chọn là Nhật, Hàn, Anh.

#### *1.2.6 Trình độ tin học*

Thành thạo tin học văn phòng (Microsoft Word, Excel, PowerPoint); sử dụng được các phần mềm tin học trong quản trị kinh doanh.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

- Áp dụng vững vàng các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính, kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

- Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp.

### **2.2. Kỹ năng**

#### **2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp**

- Biết cách tìm kiếm, hình thành ý tưởng kinh doanh, thành lập một doanh nghiệp cụ thể; biết cách huy động nguồn lực và tối ưu hóa nguồn lực khan hiếm; nắm chắc được quy trình bán hàng; biết cách lập kế hoạch kinh doanh; biết cách đàm phán kinh doanh và thương thảo hợp đồng; biết cách quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng; biết cách

quảng bá và quản trị thương hiệu; biết cách quản trị nguồn lực và điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả...

- Thao tác thành thạo những nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản trị kinh doanh như: Quản trị chiến lược; Quản trị nhân lực; Quản trị tác nghiệp; Quản trị tài chính; Quản trị marketing; Quản trị rủi ro; Hệ thống thông tin quản trị; Quản trị dự án; Quản trị chất lượng.

- Biết cách ứng dụng công cụ marketing trực tuyến để tiếp thị bán hàng, kinh doanh trực tuyến; phần mềm ứng dụng về quản trị bán hàng, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị nhân sự, quản trị nguồn lực doanh nghiệp...

- Hiểu, biết, vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh trong giải quyết công việc được giao hiệu quả, đúng pháp luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, chịu áp lực cao trong công việc.

### **2.2.2 Kỹ năng “mềm” (soft skills)**

- Có tư duy logic, sáng tạo dám nghĩ, dám làm, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng xây dựng kế hoạch, biết lựa chọn những công việc cần ưu tiên và khả năng tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả các nguồn lực.

- Sử dụng thành thạo một số phần mềm tin học ứng dụng, mạng xã hội để tương tác trực tuyến, quản trị thông tin cần thiết; có khả năng tổ chức thành thạo các sinh hoạt chuyên môn, thảo luận, thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ, chung sức với các thành viên trong và ngoài đơn vị; có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.

- Có khả năng vận dụng được kỹ năng tổng hợp trong giao tiếp như: Lắng nghe, đàm phán, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các phản hồi của khách hàng và giao tiếp qua điện thoại.

- Có khả năng kết hợp giữa kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng “mềm” trong giải quyết công việc được giao đạt hiệu quả cao.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Phẩm chất đạo đức cá nhân tốt như: Tự tin không chỉ trong công việc liên quan đến kinh tế, quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo v.v...

- Phẩm chất đạo đức xã hội như: Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành quản trị kinh doanh trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

STT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>52</b>
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Ngoại ngữ 1	27
1.3	Ngoại ngữ 2	9
1.4	Khoa học, xã hội và nhân văn	5
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>66</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	17
2.2	Kiến thức ngành	49
<b>3</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>14</b>
3.1	Thực tập tốt nghiệp	6
3.2	Khóa luận tốt nghiệp	8
<b>Tổng số</b>		<b>132</b>

### 4. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đủ điểm xét tuyển học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT Quốc gia theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hàng năm.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng Được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

### 6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.

Kết quả	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1 Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>1.</b>		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>52</b>	<b>420</b>	<b>360</b>	<b>840</b>	
<b>1.1</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	<b>330</b>	
1	POL101	Triết học Mác – Lê nin	3	45		90	POL101
2	POL102	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30		60	POL102
3	POL103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		60	POL103
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60	POL104
5	POL105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		60	
<b>1.2</b>		<b>Ngoại ngữ 1</b>	<b>27</b>	<b>135</b>	<b>270</b>	<b>270</b>	
6	FL01-101	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1	3	15	30	30	
7	FL01-102	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1	3	15	30	30	FL01-101
8	FL01-103	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1.	3	15	30	30	FL01-102
9	FL01-201	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.1	3	15	30	30	FL01-103
10	FL01-202	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.2	3	15	30	30	FL01-201
11	FL01-203	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.3	3	15	30	30	FL01-202
12	FL01-301	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.1	3	15	30	30	FL01-203
13	FL01-302	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.2	3	15	30	30	FL01-301
14	FL01-303	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.3	3	15	30	30	FL01-302
<b>1.3</b>		<b>Ngoại ngữ 2</b>	<b>9</b>	<b>45</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	
15	FL02-101	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1	3	15	30	30	
16	FL02-102	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2	3	15	30	30	FL02-101
17	FL02-103	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3	3	15	30	30	FL02-102
<b>1.4</b>		<b>Khoa học – Xã hội và Nhân văn</b>	<b>5</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	
18	INT	Pháp luật đại cương	2	30		60	
19	INT 01	Tin học ứng dụng	3	45		90	
<b>1.5</b>		<b>Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất</b>	<b>11</b>	<b>122</b>	<b>88</b>	<b>420</b>	
20	MILED	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	77	88	330	
21	PHED	Giáo dục thể chất	3	45		90	
<b>2.</b>		<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>66</b>	<b>990</b>	<b>0</b>	<b>1980</b>	
<b>2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở của khối ngành</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	
22	ECO 01	Kinh tế vi mô	2	30		60	
23	ECO 02	Kinh tế vĩ mô	2	30		60	ECO 01
<b>2.2</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>450</b>	
24	TES 01	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45		90	ECO 01
25	ACC 01	Nguyên lý kế toán	3	45		90	ECO 01
26	ECO 02	Thị trường chứng khoán	2	30		60	ADM05
27	BPS 01	Xây dựng phong cách cá nhân	2	30		60	
28	SOC 02	Đạo đức kinh doanh và VH DN	2	30		60	

29	MAR 01	Marketing	3	45		90	
<b>2.3</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>47</b>	<b>705</b>	<b>0</b>	<b>1410</b>	
2.3.1		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	42	630	0	1260	
30	ACC 03	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30		60	ACC 01
31	TAX 01	Thuế và hệ thống Thuế Việt Nam	2	30		60	ECO 01
32	BSA 01	Đàm phán kinh doanh	2	30		60	BPS 01
33	BSA 02	Khởi sự doanh nghiệp	3	45		90	INT
34	ADM 05	Quản trị tài chính	2	30		60	ACC 03
35	ADM 15	Quản trị thương hiệu	3	45		90	MAR 01
36	BSA 04	Hành vi người tiêu dùng	2	30		60	BSA 02
37	FIB 01	Quản lý đầu tư	3	45		90	ADM05, ADM15
38	COM 16	Thương mại điện tử	2	30		60	INT 01
39	ADM 24	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30		60	BSA 04
40	ADM 02	Quản trị chiến lược	3	45		90	
41	ADM 08	Chiến lược quảng bá	2	30		60	ADM 15
42	ADM 03	Quản trị nhân sự	3	45		90	
43	ADM 04	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	2	30		60	ACC 03
44	BSA 05	Hệ thống thông tin QTDN	2	30		60	BSA 04
45	BSA 06	Quản trị doanh nghiệp	3	45		90	ACC03
46	BSA 08	Tâm lý quản trị	2	30		60	
47	BSA 06	Chuyên đề thực tập, thực tế	2	30		60	
2.3.2		<i>Kiến thức tự chọn (chọn 2/4 học phần)</i>	5	75	0	150	
48	ADM 07	Quản trị rủi ro	3	45		90	BSA06
	ADM 19	Kinh doanh bất động sản	2	30		60	
	ADM 20	Quản trị chất lượng	2	30		60	
	ADM 21	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	2	30		60	
<b>3</b>		<b>Thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>420</b>	
50	PRC 06	Thực tập tốt nghiệp	6		90	180	
51	GRP 02	Khóa luận tốt nghiệp/Dự án kinh doanh	8		120	240	PRC 06
		<b>Tổng cộng</b>	<b>132</b>	<b>1410</b>	<b>570</b>	<b>3240</b>	

## 7.2 Dự kiến kế hoạch giảng dạy:

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 1</b>	<b>16</b>
1	Giáo dục quốc phòng an ninh	8
2	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 1.1	3
3	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 1.2	3
4	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 1.3	3
5	Pháp luật đại cương	2
6	Nguyên lý kế toán	3
7	Kinh tế vi mô	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 2</b>	<b>20</b>
1	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 2.1	3
2	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 2.2	3
3	Ngôn ngữ 1 sơ cấp 2.3	3
4	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
5	Kinh tế vĩ mô	2
6	Marketing	3
7	Tin học ứng dụng	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC	STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 3</b>	<b>24</b>		<b>HỌC KỲ 4</b>	<b>18</b>
1	Ngôn ngữ 1 - Trung cấp 1.1	3	1	Ngôn ngữ 2 - Sơ cấp 1.1	3
2	Ngôn ngữ 1 - Trung cấp 1.2	3	2	Ngôn ngữ 2 - Sơ cấp 1.2	3
3	Ngôn ngữ 1 - Trung cấp 1.3	3	3	Ngôn ngữ 2 - Sơ cấp 1.3	3
4	Triết học Mác – Lênin	3	4	Khởi sự doanh nghiệp	3
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	5	Thương mại điện tử	2
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7	Quản trị tài chính	2
8	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2			
9	Xây dựng phong cách cá nhân	2			
10	Đạo đức kinh doanh và VHDN	2			
11	Giáo dục thể chất	3			

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 5</b>	<b>22</b>
1	Quản trị thương hiệu	3
2	Hành vi người tiêu dùng	2
3	Quản trị quan hệ khách hàng	2
4	Quản trị chiến lược	3
5	Chiến lược quảng bá	2
6	Quản trị nhân sự	3
7	Đàm phán kinh doanh	2
8	Tâm lý quản trị	2
9	Quản trị rủi ro	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 6</b>	<b>18</b>
1	Hệ thống thông tin QTKD	2
2	Quản trị doanh nghiệp	3
3	Quản lý đầu tư	3
4	Thuế và hệ thống Thuế Việt Nam	2
5	Thị trường chứng khoán	2
6	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	2
7	Kinh doanh bất động sản	2
8	Chuyên đề thực tập thực tế	2
9		

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	<b>HỌC KỲ 7</b>	<b>14</b>
1	Thực tập tốt nghiệp	6
2	Khóa luận tốt nghiệp	8

### **7.3. Mô tả nội dung các học phần**

#### **7.3.1 Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)**

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

#### **7.3.2 Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)**

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **7.3.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)**

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

#### **7.3.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)**

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

#### **7.3.5 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)**

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

#### **7.3.6. Kinh tế vi mô (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích, ứng dụng các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Môn học còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền



kinh tế: Người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các môn học tiếp theo.

### **7.3.7. Kinh tế vĩ mô (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, ứng dụng đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô, lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn, giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán; Tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

### **7.3.8. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)**

### **7.3.9. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)**

### **7.3.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)**

### **7.3.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1 (3 tín chỉ)**

### **7.3.12. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2 (3 tín chỉ)**

### **7.3.13. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3 (3 tín chỉ)**

### **7.3.14. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 (3 tín chỉ)**

### **7.3.15. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 (3 tín chỉ)**

### **7.3.16. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 (3 tín chỉ)**

### **7.3.17. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)**

### **7.3.18. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)**

### **7.3.19. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)**

### **7.3.20. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)**

### **7.3.21. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 chỉ)**

#### ***Ghi chú:***

- *Ngoại ngữ 1: Tổng 27 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 9 tín chỉ.*

- *Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Trung là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 để học.*

- *Đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.*

- *Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc ĐH Quốc gia chịu trách nhiệm.*

### **7.3.22. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Giới thiệu một số nội dung cơ bản về pháp luật đại cương; tập trung nghiên cứu các loại hình tổ chức doanh nghiệp; pháp luật về thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh, thủ tục giải thể, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi doanh nghiệp; chế độ pháp lý về quản trị, điều hành doanh nghiệp; chế độ pháp lý về vốn, tài sản của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp trong

quá trình thành lập, hoạt động và giải thể doanh nghiệp; một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp.

### **7.3.23. Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hệ điều hành, tin học văn phòng, phần mềm hỗ trợ, internet và một số ứng dụng cơ bản để sinh viên có thể sử dụng trong học tập như tra cứu thông tin, khảo sát, soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính điện tử, quản lý thông tin...

### **7.3.24. Nguyên lý thống kê kinh tế (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Nguyên lý thống kê kinh tế đã trở thành một môn học cơ sở trong hầu hết các ngành đào tạo thuộc khối kinh tế cung cấp kiến thức căn bản về thống kê trong kinh tế. Học phần cung cấp kiến thức quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế xã hội. Nguyên lý thống kê kinh tế, lý thuyết thống kê theo hướng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh, là công cụ không thể thiếu được trong hoạt động nghiên cứu và quản lý.

### **7.3.25. Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán. Các phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Sinh viên phải vận dụng được các nguyên tắc kế toán, hệ thống các chuẩn mực kế toán để phân tích, ghi sổ và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong một doanh nghiệp thương mại nói chung và doanh nghiệp ngoại thương nói riêng. Khi kết thúc môn học, sinh viên phải lập được các báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp thương mại trên cơ sở luật Kế toán; Các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **7.3.26. Xây dựng phong cách cá nhân (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên biết một số công cụ phần mềm, mẫu biểu, tài liệu cần thiết để lập kế hoạch bản thân; yêu cầu sinh viên xây dựng kế hoạch bản thân mình, thực hiện trong thời gian học đại học và dự kiến cho tương lai. Các nhiệm vụ lập kế hoạch bao gồm: học tập, làm thêm, tình yêu, tài chính, sức khỏe, sự nghiệp tương lai, hạnh phúc gia đình.

### **7.3.27. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh). Văn hóa doanh nghiệp (Biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và năm hóa trong các hoạt động kinh doanh). Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng phân tích môi trường văn hóa và kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng được chiến lược và nền tảng văn hóa và đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp.

### **7.3.28. Marketing (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Giới thiệu những kiến thức về khoa học Marketing như: lịch sử phát triển, quan điểm và phương pháp tiếp cận cơ bản; Nghiên cứu môi trường Marketing, nội dung chiến lược Marketing – Mix bao gồm các chính sách: sản phẩm, giá cả, kênh phân phối và khuyến trương – giao tiếp; và nghiên cứu về việc ứng dụng Marketing trong một số lĩnh vực dịch vụ và phi dịch vụ, Marketing quốc tế và marketing xã hội...

- Tài liệu học tập: Giáo trình Marketing căn bản, GS.TS. Trần Minh Đạo, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội 2012

### **7.3.29. Phân tích hoạt động kinh doanh (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính: các nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý bên trong doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng...

### **7.3.30. Thuế và hệ thống thuế Việt Nam (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế; tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu vào nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt Nam như thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế tài sản khác.

- Tài liệu học tập: Giáo trình Thuế và hệ thống ở Việt Nam, GS.TS. Bùi Xuân Lưu, NXB Đại học Ngoại Thương, Hà Nội 2016.

### **7.3.31. Đàm phán kinh doanh (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh nhằm trang bị những kỹ năng giao tiếp nói chung và trong kinh doanh nói riêng cho người học. Môn học sẽ giúp người học hiểu được cần phải thực hiện một cấu trúc hoạt động giao tiếp như thế nào cho phù hợp với các hoàn cảnh cụ thể. Sinh viên cần phải biết lên kế hoạch giao tiếp như thế nào? Sử dụng hình thức giao tiếp nào? Trong các kỹ năng giao tiếp cần chú trọng kỹ năng nào để đạt đến mục đích giao tiếp? Môn học cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận, kỹ năng về đàm phán kinh doanh với các nội dung: các kỹ thuật và kỹ năng đàm phán kinh doanh, nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật đàm phán.

### **7.3.32. Khởi sự doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những yếu tố nền tảng, những yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh; triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả; làm thế nào để mở một doanh nghiệp với số vốn rất ít ban đầu, cách xây dựng công ty từ ngày đầu khởi nghiệp; cách quản lý tiền bạc và phát triển hệ thống...Giúp sinh viên khám phá các khuynh hướng khởi tạo và phát triển một doanh nghiệp mới, trong đó tập trung vào các nội dung xây dựng nhóm khởi nghiệp; tìm kiếm cơ hội kinh doanh; kêu gọi nguồn lực, nhất là nguồn lực phi tài chính; xây dựng một

mô hình kinh doanh tinh gọn; phát triển và viết một kế hoạch kinh doanh ngắn gọn súc tích, mạch lạc, hiệu quả và hoàn chỉnh; quy trình thành lập một doanh nghiệp mới. Mục tiêu của môn học có thể phù hợp hơn đối với những sinh viên có khát vọng, đam mê khởi nghiệp, trở thành những doanh nhân, nhà đầu tư, nhà kinh doanh; cũng như đối với những sinh viên vừa tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp có dự định ứng tuyển vào những doanh nghiệp mới khởi sự với tư cách là nhân viên, chuyên viên...

### **7.3.33. Quản trị tài chính (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết tổng quát về các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp; quản trị tài chính doanh nghiệp như giá trị doanh nghiệp, các nguyên tắc quản lý tài chính, vai trò của giám đốc tài chính... Đồng thời môn học trang bị các công cụ, kỹ năng phân tích và đánh giá tài chính doanh nghiệp, cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư và thẩm định dự án, các phương thức huy động vốn, sử dụng đòn cân nợ để gia tăng giá trị doanh nghiệp, kiến thức về quản lý các hoạt động tài chính hàng ngày của doanh nghiệp...

### **7.3.34. Quản trị thương hiệu (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu: Xây dựng, xúc tiến, bảo vệ và phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh ở các doanh nghiệp. Sau khi học xong môn này, học viên có thể: Trình bày được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản về thương hiệu, tài sản và giá trị thương hiệu; Mô tả được những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu trong môi trường làm việc ở lĩnh vực quản trị thương hiệu; Phân tích và giải thích được các khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác thương hiệu; Vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu vào công việc thực tiễn.

### **7.3.35. Hành vi người tiêu dùng (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Tổng quan về hành vi người tiêu dùng; các yếu tố cá nhân và tâm lý ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng; quá trình ra quyết định của người tiêu dùng. Nâng cao sự hiểu biết về một khía cạnh quan trọng của hành vi người tiêu dùng. Tìm hiểu những nhân tố tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng. Phân tích tác động của hành vi khách hàng đối với chiến lược marketing. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về hành vi người tiêu dùng, quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, biết được những ảnh hưởng của hành vi người tiêu dùng đối với các chiến lược marketing của một số tổ chức, nâng cao sự hiểu biết chung về khía cạnh hành vi con người; những kỹ năng hiểu rõ hành vi của người tiêu dùng để trở thành nhà quản trị marketing giỏi, đánh giá những ảnh hưởng của hành vi khách hàng tới các chiến lược marketing, có được những quyết định marketing có hiệu quả hơn.

### **7.3.36. Quản lý Đầu tư (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Lịch sử bán hàng, các khái niệm về bán hàng và quản trị kênh phân phối và bán hàng cũng như vai trò vị trí và mối quan hệ của quản trị kênh phân phối và bán hàng với các lĩnh vực khác trong hoạt động kinh doanh của mỗi tổ chức; Phân tích về

môi trường bán hàng, phân tích nội bộ bán hàng, sản phẩm kinh doanh, khách hàng hiện tại và tương lai, các lực lượng tham gia vào quá trình bán hàng, kênh phân phối để từ đó thiết lập các chiến lược bán hàng tối ưu cho doanh nghiệp; Thực hiện kế hoạch bán hàng như: lập kế hoạch bán hàng, tổ chức và triển khai kế hoạch này vào thực tiễn doanh nghiệp; Động viên lực lượng bán hàng, hoàn thiện các kỹ năng trong bán hàng và thiết lập các kênh phân phối phù hợp cho tổ chức; Hoạt động kiểm tra trong bán hàng, những nội dung cần được kiểm tra và các hoạt động điều chỉnh sau kiểm tra.

### **7.3.37. Thương mại điện tử (2 tín chỉ)**

- Nội dung môn học: Trang bị các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như các quy trình, điều kiện, khung cảnh của các giao dịch thương mại điện tử, cụ thể là trên mạng máy tính và viễn thông một cách rộng rãi và đem lại hiệu quả... Môn học được chia làm 3 phần chính: (1) Giới thiệu môi trường thương mại điện tử và các kiến thức kinh tế, kỹ thuật, xã hội làm nền tảng cho thương mại điện tử; (2) Giới thiệu các kiến thức kỹ thuật chuyên sâu trong thương mại điện tử, sự tương tác giữa chúng, và những phương pháp đảm bảo cho sự hoạt động an toàn của chúng; (3) Cuối cùng là giới thiệu các chủ đề nâng cao mang tính thời sự trong thương mại điện tử như: Thương mại di động, Các cỗ máy tìm kiếm, Trực quan hóa thông tin, Khai phá dữ liệu... Những nội dung này giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về thương mại điện tử, đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tự tìm hiểu các vấn đề nâng cao. Bên cạnh lý thuyết, môn học này còn có phần thực hành, trong đó cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để phân tích, thiết kế, lập trình, và triển khai một ứng dụng thương mại điện tử. Nội dung chính của phần thực hành xoay quanh việc phát triển, triển khai, và quảng bá hệ thống thương mại điện tử ra bên ngoài.

### **7.3.38. Quản trị quan hệ khách hàng (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản trị quan hệ khách hàng như: Nhận diện các loại khách hàng; Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng; Thực hiện các nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng; Nắm vững cách thức và phương pháp để xác định nhu cầu, mong muốn và phản hồi từ khách hàng; Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng; Hiểu được những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng để cải thiện công tác chăm sóc khách hàng; Thực hành, sử dụng phần mềm CRM hoặc CM.

### **7.3.39. Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tế doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược. Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược. Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: Hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định trong doanh nghiệp. Sau khi kết thúc môn học Quản trị chiến lược, sinh viên nhận thức rõ được: Hoạch định, tổ chức, triển khai và kiểm tra đánh giá chiến lược là các giai đoạn quyết định đến việc thành lập và tồn tại và phát triển của mọi tổ chức kinh

doanh. Do đó, sinh viên sẽ hiểu rõ vai trò, vị trí của quản trị chiến lược trong tổng thể hoạt động của tổ chức và mối quan hệ của chúng với nhau. Sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích môi trường, xây dựng chiến lược, triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm đạt được 2 mục tiêu chính: Duy trì sự tồn tại của tổ chức và phát triển tổ chức kinh doanh phù hợp với sự phát triển, vận động của xu thế kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

#### **7.3.40. Chiến lược quảng bá (2 tín chỉ)**

- Nội dung môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và toàn diện về hoạt động đầu tư theo dự án đầu tư trong nền kinh tế thị trường. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và soạn thảo một dự án đầu tư, đặc điểm, nội dung cơ bản của một dự án đầu tư, các nguồn vốn huy động, chu kỳ và phân loại các dự án đầu tư để phục vụ cho quản lý dự án; Các nội dung cơ bản của công tác quản trị dự án đầu tư; Tìm hiểu sâu hơn về cách phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư thông qua việc tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính cơ bản từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phù hợp; Hướng dẫn cách xây dựng một sơ đồ mạng công việc trong quản lý tiến độ dự án để từ đó tìm ra được phương án kết hợp tốt nhất giữa thời gian và chi phí của dự án; Tìm hiểu và nhận diện các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án để kiểm soát và quản lý rủi ro một cách tốt nhất.

#### **7.3.41. Quản trị nhân sự (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nền tảng về khái niệm cơ bản trong quản trị nhân sự cũng như vai trò và tầm quan trọng của quản trị nhân sự trong tổ chức, công ty. Từ đó, nêu ra một số phương pháp cơ bản trong việc phân tích các yếu tố nền tảng ảnh hưởng đến chiến lược quản trị nhân sự. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc đào tạo phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan. Môn học cũng chỉ ra những kỹ năng cơ bản ứng dụng phần mềm để quản trị nhân sự đối với người làm nhân sự.

#### **7.3.42. Quản trị sản xuất và tác nghiệp (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản, hiện đại về quản trị sản xuất và tác nghiệp, bao gồm các vấn đề: tổng quan về quản trị sản xuất và tác nghiệp, hoạch định sản xuất và tác nghiệp, thiết kế hệ thống sản xuất dịch vụ, điều hành và kiểm soát hệ thống sản xuất. Về kiến thức giúp sinh viên nắm được nội dung cơ bản về quản trị các quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ: Dự báo nhu cầu sản phẩm; Hoạch định công suất; Định vị và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Điều độ sản xuất; Quản trị hàng dự trữ và hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu..., hiểu và biết cách vận dụng các công cụ toán, các phương pháp tối ưu; kinh nghiệm trong đánh giá và kiểm soát các quá trình. Về kỹ năng giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các bài toán và ra quyết định về những vấn đề cốt yếu trong sản xuất;

#### **7.3.43. Hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về việc thiết lập và ứng dụng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác quản trị các doanh nghiệp như: Thông tin và hệ thống quản trị trong doanh nghiệp, vai trò, vị trí của hệ thống thông tin quản trị

(MIS); Thiết kế hệ thống thông tin quản trị, vận hành hệ thống và chia sẻ thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp. Môn học sẽ giúp sinh viên nhận thức được vai trò chiến lược của các Hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách hỗ trợ ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho tổ chức. Sinh viên sẽ được tiếp cận một cách có hệ thống với những thành phần công nghệ cơ bản cấu thành Hệ thống thông tin quản lý và những loại hình hệ thống thông tin có trong thực tiễn dưới góc độ của các nhà quản lý. Môn học cũng trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở công nghệ thông tin một cách có hệ thống và quy trình. Môn học cũng đặt mục tiêu vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật về quản trị các hệ thống thông tin quản lý như một nguồn lực quan trọng của tổ chức, đảm bảo hệ thống luôn được kiểm soát và bảo mật, nhằm thực hiện một cách hoàn hảo các chức năng của nó.

#### **7.3.44. Quản trị doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các khái niệm và các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam và thủ tục, trình tự thành lập một doanh nghiệp....; Kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; Kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp và công tác kế hoạch trong doanh nghiệp. Lựa chọn loại hình doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Quản trị tư liệu sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị vốn trong doanh nghiệp; Tổ chức lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; Quản trị chi phí sản xuất và giá thành; Quản trị kết quả sản xuất trong doanh nghiệp; Ứng dụng phần mềm để quản trị các nguồn lực doanh nghiệp (ERP, AMIS hoặc tương đương).

#### **7.3.45. Tâm lý quản trị (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học trang bị kiến thức về tâm lý học trong hoạt động quản lý để có cơ sở sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Cụ thể môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản sau đây: Những kiến thức tâm lý cá nhân, tâm lý nhóm người lao động. Cơ sở tâm lý của quá trình phân công và hiệp tác lao động. Các yếu tố tâm lý tai nạn lao động; tâm lý màu sắc và âm nhạc trong sản xuất; các yếu tố tâm lý dạy nghề. Xây dựng chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý. Sự thích ứng của con người với công việc và kỹ thuật, công việc và kỹ thuật với con người. Các yếu tố kích thích tâm lý người lao động.

#### **7.3.46. Quản trị rủi ro (3 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này.

#### **7.3.47. Chuyên đề thực tập thực tế (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Yêu cầu sinh viên tìm hiểu về các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên kết hợp với doanh nghiệp; là tiền đề để sinh viên tiến

hành thực tập tốt nghiệp; sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học chuyên ngành vào việc giải quyết các công việc có liên quan trong quản trị kinh doanh.

### **7.3.48. và 7.3.49. Các học phần tự chọn: Chọn 2/4 học phần (4 tín chỉ)**

#### **\* Thị trường chứng khoán (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm được một cách có hệ thống mô hình tổ chức thị trường và nguyên tắc đầu tư trên thị trường chứng khoán Sinh viên cũng được trang bị các khái niệm cơ bản trong phân tích kỹ thuật trong hoạt động đầu tư chứng khoán có thể mở rộng áp dụng đối với thị trường ngoại hối và các thị trường khác.

#### **\* Kinh doanh bất động sản (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản, áp dụng tư duy kinh tế để phân tích cung cầu bất động sản trên thị trường. Môn học được tổ chức thành các phần chính: Thảo luận các khái niệm pháp lý quan trọng trong đầu tư và tài trợ BĐS cũng như các vấn đề pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư và tài trợ BĐS; Thảo luận các khái niệm giá trị tiền tệ theo thời gian quan trọng đối với việc đầu tư và thế chấp BĐS. Đồng thời thảo luận các cách thức cơ bản mà các khoản vay thế chấp được thiết lập: Các khoản vay thế chấp với lãi suất cố định và lãi suất có thể điều chỉnh; Tập trung đánh giá việc mua nhà của các hộ gia đình riêng lẻ như là một sự đầu tư. Phần này tập trung vào các yếu tố mà nó ảnh hưởng đến cầu nhà ở và thảo luận làm thế nào để phân tích nên thuê hay nên sở hữu nhà để đáp ứng nhu cầu lưu trú dựa trên các mức tiền thuê thị trường, các cân nhắc về thuế, ngoại trừ sự tăng giá và các yếu tố khác; Phân tích đầu tư BĐS tạo ra thu nhập, bao gồm thẩm định các tài sản như thế nào, phân tích lợi nhuận và rủi ro tiềm năng của một phương án đầu tư và sự tác động của thuế đến lợi nhuận.

#### **\* Quản trị chất lượng (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Học phần Quản trị chất lượng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, trình bày các kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê, đánh giá chất lượng, các nguyên lý cơ bản của một hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay. Môn học cung cấp những kiến thức kỹ năng cơ bản về quản trị chất lượng như: chất lượng và quản trị chất lượng; các công cụ và kỹ thuật quản trị chất lượng; các hệ thống quản trị chất lượng (ISO 9000, TQM).

#### **\* Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (2 tín chỉ)**

- Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức về mối quan hệ giữa các doanh nghiệp và chính phủ trên thế giới, các vấn đề như thị trường tài chính toàn cầu, khủng hoảng ngân hàng khi sát nhập các thị trường, làm thế nào để có thể xúc tiến công việc kinh doanh trên thị trường quốc tế.

### **7.3.50. Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ)**

- Điều kiện: Sinh viên học xong toàn bộ các môn học quy định trong chương trình.

- Nội dung: Yêu cầu sinh viên tìm hiểu về các hoạt động của một số phòng ban của đơn vị thực tập, viết báo cáo thu hoạch theo chủ đề về một hoạt động nghiệp vụ của phòng



ban đó; sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học chuyên ngành vào việc giải quyết các công việc có liên quan trong quản trị kinh doanh.

### **7.3.51. Khoá luận tốt nghiệp/Dự án kinh doanh (8 tín chỉ)**

- Điều kiện đối với sinh viên:

+ Năm học cuối khóa không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Có điểm trung bình chung học tập theo Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Không còn nợ học phần, không nợ học phí tính đến thời điểm xét viết Khóa luận tốt nghiệp/Dự án kinh doanh.

- Nội dung: Thực hiện mục tiêu đào tạo ứng dụng, nhằm giúp sinh viên vận dụng tốt kiến thức đã học một cách tổng hợp để giải quyết các vấn đề, các tình huống thực tế tại đơn vị thực tập. Khóa luận tốt nghiệp/Dự án kinh doanh là một khâu quan trọng trong chương trình đào tạo đại học, giúp sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ; rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp; vận dụng các kiến thức đã học trong những năm ở trường để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động quản trị kinh doanh ở doanh nghiệp, phù hợp với chuyên ngành học.

### **8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình được thực hiện theo mô hình đào tạo theo năng lực, gắn đào tạo lý thuyết với tham quan thực tế thông qua mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp.

- Sinh viên sẽ có cơ hội được tham gia vào các buổi kiến tập và thực tập tại các doanh nghiệp, những buổi hội thảo chuyên đề, những cuộc gặp gỡ chia sẻ kinh nghiệm của các nhà quản trị hay đề xuất các ý tưởng, dự án kinh doanh mà sinh viên có thể tự thực hiện được...

- Sinh viên được hướng dẫn chọn các chủ đề làm bài tập, bài tiểu luận sát với thực tế để thông qua đó có hiểu biết sâu sắc hơn về kiến thức môn học và tăng khả năng áp dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp.

- Phương pháp giảng dạy chủ yếu áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học sinh là trung tâm. Giờ học thực hành có thể áp dụng các hình thức: thảo luận nhóm, thực hành tại cơ sở thực hành của trường, khảo sát thực tế và viết báo cáo, nghe báo cáo thực tế của các chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, làm bài tập và viết tiểu luận.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

- Định kỳ 3 năm (trừ trường hợp đặc biệt), Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung các học phần/môn học trong chương trình đào tạo, xây dựng lại hoặc bổ sung nội dung các chương trình chi tiết của các học phần trên cơ sở tham khảo từ các chương trình

đào tạo của các trường trong nước và quốc tế cũng như thông tin phản hồi từ, sinh viên và doanh nghiệp.

## **9. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo (các điều kiện khác thực hiện theo quy định của Nhà trường)**

### **9.1. Thành lập một số bộ môn trực thuộc Khoa Quản trị kinh doanh (nhân sự Chủ nhiệm các bộ môn tuyển chọn từ giảng viên doanh nghiệp):**

- Quản trị khởi nghiệp.
- Quản trị thương hiệu.
- Quản trị kinh doanh số.
- Kinh doanh trực tuyến.
- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh du lịch và khách sạn.
- Kinh doanh hàng không và lữ hành.

### **9.2. Tạo dựng không gian thực hành cho sinh viên:**

- Phòng mô phỏng công ty, ngân hàng, sàn giao dịch chứng khoán.
- Phòng thực hành kinh doanh trực tuyến.
- Phòng họp, hội thảo, gặp gỡ sinh viên.
- Lắp đặt TV Smart 50 inch trong phòng học để làm phương tiện giảng dạy.
- Lắp đặt đường truyền Internet (tốc độ cao và ổn định).
- Hỗ trợ dịch vụ cà phê khởi nghiệp hàng tuần.

### **9.3. Cơ chế đối với giảng viên doanh nghiệp và các nhà doanh nghiệp tham gia hợp tác đào tạo:**

- Nhà trường ban hành cơ chế thích hợp để thu hút, tuyển dụng một số Chủ nhiệm bộ môn là giảng viên doanh nghiệp.

- Xây dựng ban hành cơ chế ký kết hợp tác với doanh nghiệp về việc tuyển sinh, đào tạo, thực tập sinh, việc làm theo hướng tự chủ.